

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp
để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 461/SNNMT-PTNTQLCL ngày 01/6/2025; ý kiến thống nhất tại cuộc họp UBND tỉnh ngày 04/6/2025 (Thông báo số 287/TB-UBND ngày 04/6/2025), UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;
- Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;
- Văn bản số 210/HĐND-KTNS ngày 22/5/2025 của HĐND tỉnh về việc thống nhất xây dựng và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với Nghị quyết quy định mức hỗ trợ cụ thể về sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Cơ sở thực tiễn

Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực hiện theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ đã được triển khai kịp thời, đúng quy định trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên thực tế chỉ mới thực hiện được nội dung hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh động vật (hỗ trợ người chăn nuôi có gia súc, gia cầm chết, tiêu hủy do dịch

bệnh từ năm 2017-2023) với kinh phí hơn 110 tỷ đồng, còn hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật chưa được thực hiện, do quá trình triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như: Quy định hỗ trợ trong chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản phải có đăng ký kê khai ban đầu được UBND cấp xã xác nhận, mà việc kê khai ban đầu cần có hóa đơn, chứng từ chứng minh thì mới được xác nhận, trong khi đó hoạt động sản xuất nông nghiệp chủ yếu nhỏ lẻ nên hầu như không thực hiện việc kê khai ban đầu.

Ngày 10/01/2025 Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2025/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật (thay thế một số nội dung hỗ trợ của Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ). Theo đó, tại khoản 3 Điều 9 quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: *“Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, các nguồn tài chính hợp pháp khác, đặc điểm sản xuất và thực tế tại địa phương, quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật về ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:*

a) Mức hỗ trợ cụ thể đối với từng loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi và sản xuất muối quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định này.

b) Mức hỗ trợ cao hơn so với quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định này cho từng loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi và sản xuất muối nhưng không vượt quá 1,5 lần.

c) Mức hỗ trợ đối với loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi và sản xuất muối khác chưa được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định này.

d) Hỗ trợ đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ theo mức hỗ trợ quy định tại Nghị định này.

đ) Sử dụng ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để hỗ trợ đối với trường hợp quy định tại các điểm c, d khoản này và phần chênh lệch vượt quá mức quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định này.”.

Theo điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025, HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định *“Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.*

Do đó, việc trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là đảm bảo đúng thẩm quyền theo các quy định nêu trên và rất cần thiết để triển khai chính sách hỗ trợ kịp thời cho các cơ sở sản xuất khi có thiên tai, dịch hại thực vật xảy ra trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Quy định đối tượng, mức hỗ trợ cụ thể bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật thực hiện quy định tại điểm a, d khoản 3 Điều 9 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ để có căn cứ áp dụng cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Quan điểm: Nghị quyết được xây dựng đảm bảo theo các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo Luật ban hành văn bản; phù hợp với thực tiễn địa phương, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự thảo, thực hiện các bước theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Tham mưu UBND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết trình Thường trực HĐND tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn. Sau khi Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến về việc thống nhất xây dựng và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với Nghị quyết quy định mức hỗ trợ cụ thể về sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh tại Văn bản số 210/HĐND-KTNS ngày 22/5/2025, cơ quan soạn thảo đã xây dựng dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến của các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan và tổ chức đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Cổng thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Môi trường; tiếp thu các ý kiến góp ý để hoàn thiện dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định; trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

Dự thảo Nghị quyết không quy định mức hỗ trợ theo điểm b, c khoản 3 Điều 9 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ. Lý do:

(1) Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP “Các địa phương nhận bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách trung ương: ngân sách trung ương hỗ trợ 80% mức ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định này” và điểm đ khoản 3 Điều 9 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP “Sử dụng ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để hỗ trợ đối với trường hợp quy định tại điểm c, d khoản này và phần chênh lệch vượt quá mức quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định này.”. Hà Tĩnh là tỉnh hằng năm đang nhận bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách trung ương. Bên cạnh đó, thời gian qua các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ thực hiện các Chương trình MTQG nông thôn mới, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình giảm nghèo bền vững, tỉnh đã cân đối ngân sách để ban hành một số chính sách nhằm

tạo động lực cho các địa phương phát triển nông nghiệp, nông thôn, như: Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 18/11/2021 của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân phát triển sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, chính sách hỗ trợ chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP, phát triển thương mại nông thôn và xúc tiến thương mại. Vì vậy, trong điều kiện ngân sách tỉnh còn khó khăn, không tham mưu ban hành quy định “*Mức hỗ trợ cao hơn so với quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định này cho từng loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi và sản xuất muối nhưng không vượt quá 1,5 lần*” theo điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP.

(2) Sau khi giao các cơ quan chuyên môn soát xét cụ thể, xét thấy mức hỗ trợ, các loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi và sản xuất muối được quy định tại Điều 5 Nghị định 09/2025/NĐ-CP đã cơ bản bao quát các cây trồng, vật nuôi phổ biến trên địa bàn tỉnh, do đó không tham mưu ban hành quy định “*Mức hỗ trợ đối với loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi và sản xuất muối khác chưa được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định này.*” theo điểm c khoản 3 Điều 9 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP.

1.2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài, hoạt động hoặc tham gia hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật gây ra tại tỉnh Hà Tĩnh; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được xây dựng theo hình thức quy định trực tiếp gồm 4 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Đối tượng, nội dung và mức hỗ trợ.

Điều 3. Nguồn kinh phí.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Theo Mục IV.1

3.2. Đối tượng hỗ trợ:

Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, sản xuất muối (sau đây gọi là cơ sở sản xuất) bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

3.3. Quy định nội dung, mức hỗ trợ:

Căn cứ vào Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở điều kiện thực tiễn, giá cây trồng, vật nuôi thời điểm hiện tại, chính sách mang tính hỗ trợ khôi phục sản xuất không phải đền bù, đề xuất mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Đối với hồ trợ cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật: Áp dụng mức hồ trợ theo Nghị định số 09/2025/NĐ-CP (Nghị định đã quy định mức hồ trợ cụ thể).

- Đối với vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) do thiên tai: Tại Nghị định số 09/2025/NĐ-CP quy định mức hồ trợ theo khoảng giá trị, do đó đề xuất mức hồ trợ bình quân mức hồ trợ theo Nghị định số 09/2025/NĐ-CP.

(Chi tiết nội dung, mức hồ trợ tại phụ lục I, II kèm theo).

3.4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật:

- Đối với nguồn kinh phí thực hiện hồ trợ cho các đối tượng (trừ đối tượng là doanh nghiệp vừa và nhỏ): Ngân sách trung ương hồ trợ 80%; 20% kinh phí còn lại sử dụng từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và nguồn tài chính hợp pháp khác.

- Đối với nguồn kinh phí thực hiện hồ trợ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ: Sử dụng ngân sách cấp tỉnh và nguồn tài chính hợp pháp khác.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Về nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết

Nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian trình thông qua Nghị quyết

Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh giữa năm 2025

3. Về tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

(có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr. Tỉnh ủy;
- TTr HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN và MT, Tài chính;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NL₅.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

PHỤ LỤC I
NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÁC LOẠI CÂY TRỒNG, LÂM NGHIỆP,
THỦY SẢN VÀ SẢN XUẤT MUỐI BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI,
DỊCH HẠI THỰC VẬT
(Kèm theo Tờ trình số .../TTr-UBND ngày... /.../2025 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ (Đồng/ha)
I	Đối với cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật	
1	Diện tích lúa	
1.1	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	6.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	3.000.000
1.2	Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	8.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	4.000.000
1.3	Sau gieo trồng trên 45 ngày	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	10.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	5.000.000
2	Diện tích mạ	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	30.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	15.000.000
3	Diện tích cây hằng năm khác	
3.1	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	6.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	3.000.000
3.2	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	10.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	5.000.000
3.3	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	15.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	7.500.000
4	Diện tích cây trồng lâu năm	
4.1	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	12.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	6.000.000
4.2	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	20.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	10.000.000
4.3	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường;	

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ (Đồng/ha)
	<i>vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	30.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	15.000.000
4.4	<i>Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	60.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	30.000.000
II	Đối với lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật	
1	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	8.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	4.000.000
2	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	15.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	7.500.000
3	Diện tích vườn giống, rừng giống	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	20.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	10.000.000
4	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm	
4.1	<i>Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	40.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	20.000.000
4.2	<i>Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	60.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	30.000.000
III	Đối với thủy sản bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản)	
1	Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hàm)	60.000.000
2	Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè	30.000.000 (đồng/100m ³)
3	Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	15.000.000
IV	Sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm diện tích đang sản xuất hoặc diện tích có	

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ (Đồng/ha)
	muối đã được tập kết trên ruộng)	
1	Thiệt hại trên 70% diện tích	4.000.000
2	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	3.000.000

PHỤ LỤC II
NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI VẬT NUÔI BỊ THIẾT HẠI
(CHẾT, MẤT TÍCH) DO THIÊN TAI
(Kèm theo Tờ trình số .../TTr-UBND ngày... /.../2025 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ (Đồng/con)
1	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu)	
a)	Đến 28 ngày tuổi	22.000
b)	Trên 28 ngày tuổi	38.000
2	Chim cút	
a)	Đến 28 ngày tuổi	4.000
b)	Trên 28 ngày tuổi	8.000
3	Lợn	
a)	Đến 28 ngày tuổi	550.000
b)	Trên 28 ngày tuổi	1.000.000
c)	Lợn nái và lợn đực đang khai thác	3.000.000
4	Bê cái hướng sữa đến 06 tháng tuổi	3.000.000
5	Bò sữa trên 06 tháng tuổi	8.000.000
6	Trâu, bò thịt, ngựa	
a)	Đến 06 tháng tuổi	2.200.000
b)	Trên 06 tháng tuổi	5.000.000
7	Hươu sao, cừu, dê, đà điểu	1.700.000
8	Thỏ	
a)	Đến 28 ngày tuổi	40.000
b)	Trên 28 ngày tuổi	60.000
9	Ong mật (đàn)	400.000 đồng/đàn